

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TOÁN KHỐI 8**TUẦN 6 (Từ 11/10 đến 16/10/2021)****Tiết 1: §8. PHÂN TÍCH ĐA THỨC THÀNH NHÂN TỬ BẰNG PHƯƠNG PHÁP NHÓM HẠNG TỬ**

HOẠT ĐỘNG	NỘI DUNG
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	Học sinh đọc SGK toán 8 từ trang 21 đến trang 22 và lưu ý các kiến thức sau: Phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp nhóm hạng tử: Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp và tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng, để nhóm các hạng tử có nhân tử chung hay có dạng hằng đẳng thức. 1. Ví dụ: ?1 Tính nhanh: $15 \cdot 64 + 25 \cdot 100 + 36 \cdot 15 + 60 \cdot 100$ Ví dụ 1: Phân tích đa thức sau thành nhân tử: $x^2 - 3x + xy - 3y$ Gợi ý: - Các hạng tử có nhân tử chung hay không ? - Làm thế nào để xuất hiện nhân tử chung ? Giải: Cách 1: $x^2 - 3x + xy - 3y$ $= (x^2 - 3x) + (xy - 3y)$ $= x(x - 3) + y(x - 3)$ $= (x - 3)(x + y)$ Cách 2: $x^2 - 3x + xy - 3y$ $= (x^2 + xy) - (3x + 3y)$ $= x(x + y) - 3(x + y)$ $= (x + y)(x - 3)$ Ví dụ 2: Phân tích đa thức sau thành nhân tử: $x^2 + 4x - y^2 + 4$ $x^2 + 4x - y^2 + 4$ $= (x^2 + 4x + 4) - y^2$ $= (x + 2)^2 - y^2$ $= [x + 2 - y] \cdot [x + 2 + y]$ Nhóm thích hợp <i>Xuất hiện nhân tử chung của các nhóm</i> <i>Xuất hiện hằng đẳng thức</i> <i>Sau khi phân tích đa thức thành nhân tử ở mỗi nhóm thì quá trình phân tích phải tiếp tục được</i>

	2. Áp dụng: ?2 Khi thảo luận nhóm, một bạn ra đề bài. Hãy phân tích đa thức $x^4 - 9x^3 + x^2 - 9x$ thành nhân tử. - Bạn Thái làm như sau: $x^4 - 9x^3 + x^2 - 9x = x(x^3 - 9x^2 + x - 9)$ - Bạn Hà làm như sau: $\begin{aligned} x^4 - 9x^3 + x^2 - 9x &= (x^4 - 9x^3) + (x^2 - 9x) \\ &= x^3(x - 9) + x(x - 9) \\ &= x(x - 9)(x^2 + 1) \end{aligned}$ - Bạn An làm như sau: $\begin{aligned} x^4 - 9x^3 + x^2 - 9x &= (x^4 + x^2) - (9x^3 + 9x) = x^2(x^2 + 1) - 9x(x^2 + 1) \\ &= x(x^2 + 1)(x - 9) \end{aligned}$ Hãy nêu ý kiến của em về lời giải của các bạn.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Thực hiện giải: ?1 Tính nhanh: $15 \cdot 64 + 25 \cdot 100 + 36 \cdot 15 + 60 \cdot 100$ $\begin{aligned} &= (15 \cdot 64 + 36 \cdot 15) + (25 \cdot 100 + 60 \cdot 100) \\ &= 15(64 + 36) + 100(25 + 60) \\ &= 15 \cdot 100 + 100 \cdot 85 \\ &= 100(15 + 85) \\ &= 100 \cdot 100 \\ &= 10000 \end{aligned}$?2 Khi thảo luận nhóm, một bạn ra đề bài. Hãy phân tích đa thức $x^4 - 9x^3 + x^2 - 9x$ thành nhân tử. - Bạn Thái làm như sau: $x^4 - 9x^3 + x^2 - 9x = x(x^3 - 9x^2 + x - 9)$ Bạn Thái làm đúng. Nhưng $(x^3 - 9x^2 + x - 9)$ còn phân tích ra thành nhân tử. - Bạn Hà làm như sau: $\begin{aligned} x^4 - 9x^3 + x^2 - 9x &= (x^4 - 9x^3) + (x^2 - 9x) \\ &= x^3(x - 9) + x(x - 9) \\ &= (x - 9)(x^3 + x) \end{aligned}$ Bạn Hà làm đúng. Nhưng $(x^3 + x)$ còn phân tích ra thành nhân tử.

	Bạn An làm như sau: $x^4 - 9x^3 + x^2 - 9x = (x^4 + x^2) - (9x^3 + 9x) = x^2(x^2 + 1) - 9x(x^2 + 1)$ $= (x^2 + 1)(x^2 - 9x) = x(x - 9)(x^2 + 1)$ Bạn An làm đúng.
Hoạt động 3: Học sinh cần nhớ các kiến thức	- Học sinh cần nắm vững khái niệm phân tích đa thức thành nhân tử. - Phương pháp nhóm hạng tử. - Làm bài tập 49 SGK trang 22

Trong quá trình học tập các em có thắc mắc, gặp trở ngại gì thì ghi ra để giáo viên giải đáp theo mẫu sau:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Mục A: Phần B:	

Chúc các em học thật tốt

	Bài 48/22: (SGK) Phân tích các đa thức sau thành nhân tử: a/ $x^2 + 4x - y^2 + 4 = (x^2 + 4x + 4) - y^2$ $= (x + 2)^2 - y^2$ $= [(x + 2) - y] [(x + 2) + y]$ $= (x + 2 - y) (x + 2 + y)$ b/ $3x^2 + 6xy + 3y^2 - 3z^2 = 3(x^2 + 2xy + y^2 - z^2)$ $= 3[(x^2 + 2xy + y^2) - z^2]$ $= 3[(x + y)^2 - z^2]$ $= 3[(x + y) - z] [(x + y) + z]$ $= 3(x + y - z) (x + y + z)$ c/ $x^2 - 2xy + y^2 - z^2 + 2zt - t^2 = (x^2 - 2xy + y^2) - (z^2 - 2zt + t^2)$ $= (x - y)^2 - (z - t)^2$ $= [(x - y) - (z - t)] [(x - y) + (z - t)]$ $= (x - y - z + t) (x - y + z - t)$
Hoạt động 3: Kiểm tra thường xuyên 15 phút.	Bài 1: (4 điểm) Thực hiện phép tính. a) $2x(3x^2 - 2x + 1)$ b) $(3x - 2)(9x^2 + 6x + 4)$ Bài 2: (6 điểm) Phân tích các đa thức sau thành nhân tử: a) $3x - 3y$ b) $x(x - 1) + 2(x - 1)$ c) $4x^2 - 4x + 1$ d) $x^2 + 2x + 1 - y^2$.
Hoạt động 4: Hướng dẫn ở nhà	- Học sinh cần vận dụng được các hằng đẳng thức để phân tích đa thức thành nhân tử - Làm bài tập 50/23 – SGK (Sử dụng phương pháp nhóm hạng tử phân tích đa thức thành nhân tử đưa về tích các nhân tử bằng 0 khi một trong các nhân tử bằng 0 để tìm x.

Trong quá trình học tập các em có thắc mắc, gặp trở ngại gì thì ghi ra để giáo viên giải đáp theo mẫu sau:

Trường:

Lớp:

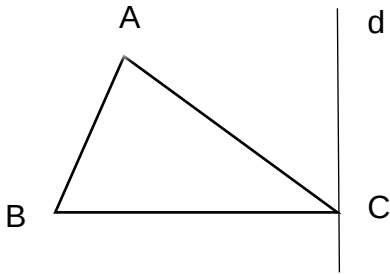
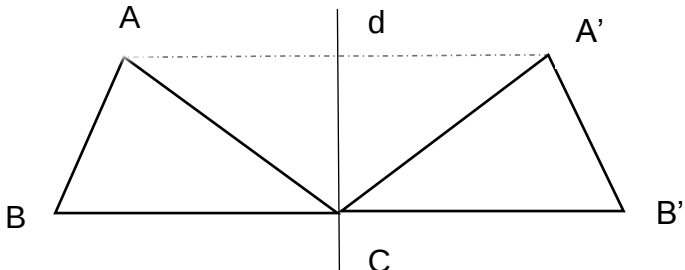
Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Mục A: Phần B:	

Chúc các em học thật tốt!

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TOÁN KHỐI 8**TUẦN 6 (từ 11/10 đến 16/10/2021)****Tiết 3:****LUYỆN TẬP ĐỐI XỨNG TRỰC.**

HOẠT ĐỘNG	NỘI DUNG
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	Học sinh đọc SGK toán 8 tập 1 từ trang 76 đến trang 79 và lưu ý các kiến thức về ĐỐI XỨNG TRỰC. i. <u>Kiến thức trọng tâm:</u> 1- Hai điểm đối xứng qua một đường thẳng: - Hai điểm gọi là đối xứng với nhau qua đường thẳng d, nếu d là đường trung trực của đoạn thẳng nối hai điểm đó. - Quy ước: Nếu điểm M thuộc d thì điểm đối xứng với M qua đường thẳng d cũng là M. 2- Hai hình đối xứng qua một đường thẳng: - Hai hình gọi là đối xứng với nhau qua một đường thẳng, nếu mỗi điểm thuộc hình này đối xứng với một điểm thuộc hình kia qua đường thẳng đó và ngược lại. - Tính chất: Nếu hai đoạn thẳng (góc, tam giác) đối xứng với nhau qua một đường thẳng thì chúng bằng nhau. 3- Hình có trục đối xứng: Định nghĩa: Đường thẳng d gọi là trục đối xứng của một hình H, nếu điểm đối xứng với mỗi điểm thuộc hình H qua đường thẳng d cũng thuộc hình H. Trục đối xứng của một hình thang cân: Đường thẳng đi qua trung điểm hai đáy của hình thang cân là trục đối xứng của hình thang cân.

	ii. <u>Luyện tập – Bài tập:</u> HS thực hiện giải các bài tập. <u>Bài 1:</u> Cho $\triangle ABC$ và đường thẳng d đi qua A (xem hình vẽ). Hãy vẽ tam giác đối xứng với tam giác ABC qua đường thẳng d.  Các em hãy vẽ các điểm đối xứng với các điểm A, B, C của tam giác ABC qua đường thẳng d. <u>Bài 2:</u> Trong các chữ cái in hoa: L, M, N, H, O, P. Chữ nào có trục đối xứng? Xác định trục đối xứng của chữ cái đó.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	Hãy sử dụng kiến thức về đối xứng trục giải bài tập sau: <u>Bài 1:</u>  <u>Bài 2:</u> • Chữ L, chữ N, chữ P không có trục đối xứng. • Chữ M có một trục đối xứng (trục dọc). • Chữ H, chữ O có hai trục đối xứng (trục dọc và trục ngang).
Hoạt động 3: Học sinh cần nhớ các kiến thức	- Học sinh cần nắm được hai điểm đối xứng qua một đường thẳng, trục đối xứng của một hình, hình có trục đối xứng. - Bài tập: Cho hai điểm A và B cùng thuộc một nửa mặt phẳng bờ là đường thẳng d. Xác định vị trí của điểm $M \in d$ sao cho $MA + MB$ ngắn nhất. <u>Hướng dẫn:</u> - Vẽ điểm C đối xứng với điểm A qua d. Nối C với B cắt d tại M. - Lấy $M' \in d$. Xét $\triangle BCM'$, có: $BC < M'C + M'B$ và $M'C = MA$ - Suy ra $MA + MB$ ngắn nhất khi bằng BC.

Trong quá trình học tập các em có thắc mắc, gặp trở ngại gì thì ghi ra để giáo viên giải đáp theo mẫu sau:

Trường:

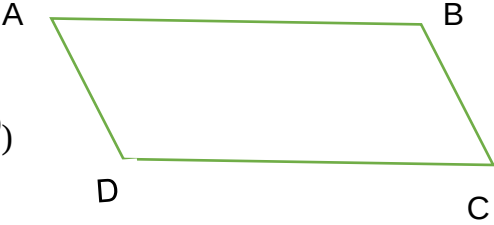
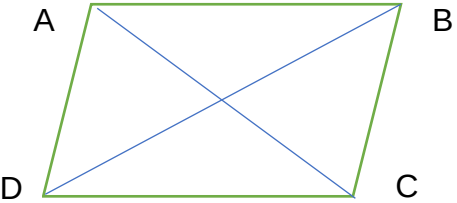
Lớp:

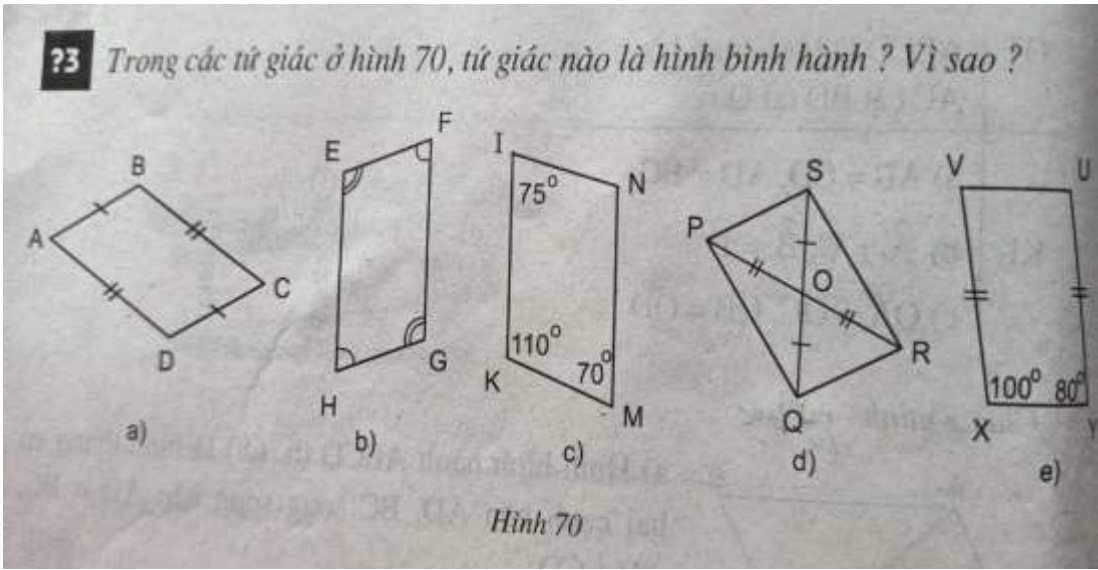
Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Mục A: Phần B:	

Chúc các em học thật tốt

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TOÁN KHỐI 8**TUẦN 6 (từ 11/10 đến 16/10/2021)****Tiết 4: §7. HÌNH BÌNH HÀNH.**

HOẠT ĐỘNG	NỘI DUNG
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	Học sinh đọc SGK toán 8 tập 1 từ trang 90 đến trang 92 và lưu ý các kiến thức sau: 1. Định nghĩa: ?1 Các cạnh đối của tứ giác ABCD trên hình 66 có gì đặc biệt ? Tứ giác ABCD có: $AB \parallel CD$ (Vì $\hat{A} + \text{góc } D = 180^\circ$) $AD \parallel BC$ (Vì $\text{góc } D + \text{góc } C = 180^\circ$)  <u>Định nghĩa:</u> Hình bình hành là tứ giác có các cạnh đối song song - Tứ giác ABCD là hình bình hành $\Leftrightarrow AB \parallel CD$ và $AD \parallel BC$. - Hình bình hành là một hình thang đặc biệt có 2 cạnh bên song song 2. Tính chất: ?2 Cho hình bình hành ABCD (h.67). Hãy thử phát hiện các tính chất về cạnh, về góc, về đường chéo của hình bình hành đó.  <u>Định lý:</u> Trong hình bình hành: - Các cạnh đối bằng nhau. - Các góc đối bằng nhau. - Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường. 3. Dấu hiệu nhận biết: - Tứ giác có các cạnh đối song song là hình bình hành. - Tứ giác có các cạnh đối bằng nhau là hình bình hành. - Tứ giác có hai cạnh đối song song và bằng nhau là hình bình hành. - Tứ giác có các góc đối bằng nhau là hình bình hành. - Tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường là hình bình hành.

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	HS làm ? 3 (SGK/92)  ?3 Trong các tứ giác ở hình 70, tứ giác nào là hình bình hành? Vì sao? Hình 70
Hoạt động 3: Học sinh cần nhớ các kiến thức	- Học sinh cần nắm được định nghĩa, tính chất, dấu hiệu nhận biết hình bình hành. - Bài 1: Cho tứ giác ABCD. Gọi M, N, P, Q lần lượt là trung điểm của AB, BC, CD, DA. Chứng minh tứ giác MNPQ là hình bình hành. (Sử dụng tính chất đường trung bình)

Trong quá trình học tập các em có thắc mắc, gặp trở ngại gì thì ghi ra để giáo viên giải đáp theo mẫu sau:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Toán	Mục A: Phần B:	

Chúc các em học thật tốt !